

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 13-6-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đức;
2. Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; có mặt.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Võ Công K, sinh năm 1987; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh K chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2013. Vợ chồng sống chung với gia đình anh K khoảng 01 năm. Sau đó, vợ chồng về sống chung với cha, mẹ chị. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt từ năm 2018, nguyên nhân do

tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tháng 9-2018, anh K bỏ về nhà cha, mẹ anh K sống và vợ chồng tự sống ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Võ Hoài T, sinh ngày 16-10-2014 do chị đang nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Công K trình bày:

Nhận thấy, anh K thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn chị H.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H đối với anh Võ Công K, chị H được ly hôn với anh K.

Về con chung: Giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Hoài T, sinh ngày 16-10-2014. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Công K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh K chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2013. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt vào năm 2018 và tự sống ly thân từ tháng 9-2018 đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn và anh K cũng đồng ý ly hôn. Qua đó, cho thấy hôn nhân của chị H và anh K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H yêu cầu được ly hôn anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Võ Hoài T, sinh ngày 16-10-2014 đang theo sống với chị H. Chị H và anh K thỏa thuận giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, có cơ sở giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh K không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Võ Công K.

2. Về con chung:

Giao chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Hoài T, sinh ngày 16-10-2014.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Võ Công K cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016748 ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị H biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Ngọc Dũng

